

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

QUÝ III/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (CÔNG TY MẸ)
QUÝ III NĂM 2016

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		343,595,950,862	370,092,908,944
I-Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	142,495,410,121	179,009,997,707
1. Tiền	111		109,495,410,121	114,509,997,707
2. Các khoản tương đương tiền	112		33,000,000,000	64,500,000,000
II-Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27,000,000,000	37,000,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	27,000,000,000	37,000,000,000
III-Các khoản phải thu ngắn hạn	130		165,007,689,691	144,731,314,322
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	133,010,047,564	115,444,223,162
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2,628,098,026	2,432,934,162
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	37,535,867,880	35,894,774,560
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(8,166,323,779)	(9,040,617,562)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV-Hàng tồn kho :	140		3,510,000	175,500
1. Hàng tồn kho	141	V.6	3,510,000	175,500
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V-Tài sản ngắn hạn khác	150		9,089,341,050	9,351,421,415
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	1,430,115,187	630,869,548
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.14	7,610,356,328	8,518,282,718
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	48,869,535	202,269,149
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B-TÀI SẢN DÀI HẠN	200		245,599,361,702	190,395,785,505
I-Các khoản phải thu dài hạn	210		8,400,338,470	7,954,789,470
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	8,400,338,470	7,954,789,470
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II-Tài sản cố định	220		76,086,787,910	80,159,250,263
1. TSCĐ hữu hình	221	V.8	56,682,786,264	60,446,768,406
- Nguyên giá	222		136,322,444,702	134,518,875,233
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(79,639,658,438)	(74,072,106,827)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. TSCĐ vô hình	227	V.9	19,404,001,646	19,712,481,857
- Nguyên giá	228		22,331,234,828	22,331,234,828
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2,927,233,182)	(2,618,752,971)
III-Bất động sản đầu tư	230	V.10	46,662,779,071	49,801,071,781
- Nguyên giá	231		74,584,104,356	74,584,104,356
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(27,921,325,285)	(24,783,032,575)
IV-Tài sản dở dang dài hạn	240		65,105,375,425	305,518,229
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	65,105,375,425	305,518,229
V-Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	46,837,392,668	49,798,005,790
1. Đầu tư vào công ty con	251		37,392,586,378	37,392,586,378
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3,175,492,779	3,175,492,779
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11,594,332,006	11,589,789,363
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(5,325,018,495)	(2,359,862,730)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI- Tài sản dài hạn khác	260		2,506,688,158	2,377,149,972
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	2,506,688,158	2,377,149,972
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		589,195,312,564	560,488,694,449
NGUỒN VỐN				
C-NỢ PHẢI TRẢ	300		296,140,424,000	275,456,462,414
I-Nợ ngắn hạn	310		288,168,813,850	260,508,772,264
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	87,617,220,957	84,013,518,902
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		27,709,636,291	20,226,015,048
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	11,193,188,736	14,395,364,675
4. Phải trả người lao động	314		24,214,794,118	40,746,902,010
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	9,778,232,759	7,054,001,263
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	24,970,297,327	200,000,000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	93,194,996,207	87,172,844,581
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	777,693,875	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8,712,753,580	6,700,125,785
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II-Nợ dài hạn	330		7,971,610,150	14,947,690,150
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.15	500,000,000	500,000,000
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	723,770,150	707,770,150
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	6,747,840,000	13,739,920,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-

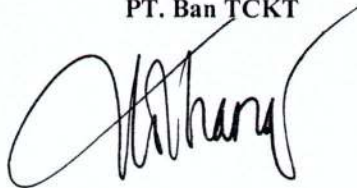
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D-VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		293,054,888,564	285,032,232,035
I-Vốn chủ sở hữu	410		293,054,888,564	285,032,232,035
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	116,500,000,000	116,500,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		116,500,000,000	116,500,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	91,269,882,762	74,261,208,991
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.18	13,132,703,776	12,734,417,453
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	72,152,302,026	81,536,605,591
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		34,264,841,214	24,538,467,644
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		37,887,460,812	56,998,137,947
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		589,195,312,564	560,488,694,449
			-	-

Tp.HCM, ngày 30 tháng 09 năm 2016

Người lập biểu

PT. Ban TCKT

P. Tổng Giám đốc



NGUYỄN LƯƠNG HUY

VÕ TRUNG THẮNG

NGUYỄN THỊ THANH TRANG

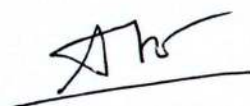
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (CÔNG TY MẸ)

QUÝ III NĂM 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	199,446,762,306	216,628,678,895	580,658,119,923	617,110,633,335
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.1	199,446,762,306	216,628,678,895	580,658,119,923	617,110,633,335
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	178,390,135,955	193,941,956,542	511,977,512,371	553,232,140,632
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		21,056,626,351	22,686,722,353	68,680,607,552	63,878,492,703
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,197,115,143	10,184,164,701	10,943,767,751	36,668,095,412
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2,158,486,172	1,599,443,071	3,889,956,096	3,086,262,642
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	29,401,716,923	18,469,766,935	51,935,518,098	41,190,109,415
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30= 20+(21-22)-(25+26)]	30		(8,306,461,601)	12,801,677,048	23,798,901,109	56,270,216,058
11. Thu nhập khác	31	VI.5	22,332,888,642	233,759,012	22,663,401,477	7,651,622,443
12. Chi phí khác	32	VI.6	227,009,047	20,299,804	233,331,659	105,907,958
13. Lợi nhuận khác (40=31 - 32)	40		22,105,879,595	213,459,208	22,430,069,818	7,545,714,485
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		13,799,417,994	13,015,136,256	46,228,970,927	63,815,930,543
15. Chi thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	2,804,299,741	1,891,864,494	8,341,510,115	12,177,927,474
16. Chi thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN(60=50-52+53)	60		10,995,118,253	11,123,271,762	37,887,460,812	51,638,003,069

Người lập biểu



NGUYỄN LƯƠNG HUY

PT. Ban TCKT



VÕ TRUNG THẮNG

Lập, ngày 30 tháng 09 năm 2016

P. Tổng Giám đốc




NGUYỄN THỊ THANH TRANG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2016

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	CÔNG TY MẸ	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		46,228,970,927	63,815,930,543
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9,045,779,532	9,731,863,753
- Các khoản dự phòng	03		2,090,861,982	(5,416,121)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		74,338,649	1,186,225,885
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8,498,074,537)	(30,167,459,961)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		48,941,876,553	44,561,144,099
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(29,721,028,051)	(59,973,209,637)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3,334,500)	5,206,500
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		30,129,548,620	37,223,219,304
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(928,783,825)	4,131,353,698
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Lãi tiền vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6,100,552,350)	(9,364,790,665)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4,552,176,469)	(6,237,602,617)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		37,765,549,978	10,345,320,682
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(66,643,675,378)	(25,520,635,163)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		25,000,000	197,836,576
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(3,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10,000,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1,940,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	16,058,448,283
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19,469,866,505	22,508,255,669
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(37,148,808,873)	8,303,905,365
III- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		2,333,081,633	5,811,881,980
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(8,547,467,758)	(4,077,345,675)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30,775,992,775)	(11,651,100,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(36,990,378,900)	(9,916,563,695)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(36,373,637,795)	8,732,662,352
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		179,009,997,707	171,122,463,380
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(140,949,791)	419,650,383
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		142,495,410,121	180,274,776,115

Người lập biểu



NGUYỄN LƯƠNG HUY

PT.Ban TCKT



VÕ TRUNG THÁI

Lập, ngày 30 tháng 09 năm 2016




NGUYỄN THỊ THANH TRANG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Q.7, TP.HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Quý III Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005432 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận điều chỉnh.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Đại lý, kiểm đếm hàng hóa; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý tàu biển và đại lý hàng hải; Sản xuất các loại miếng đệm kỹ thuật; Vận tải container bằng đường bộ; Cho thuê văn phòng; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông – hải sản; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy; Bốc xếp hàng hóa; Đại lý ký gửi hàng; Vận tải đa phương quốc tế; Dịch vụ lai dắt tàu biển; Dịch vụ logistic; Mua bán, cho thuê và sửa chữa container; Kinh doanh vận tải biển; Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); Dịch vụ khai thuê hải quan.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 44
Máy móc và thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà kho và sân bãi thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là từ 05 – 20 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Riêng các quyền sử dụng đất có xác định thời hạn sử dụng sẽ được khấu hao trong thời gian sử dụng tương ứng như sau:

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng tại. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra để sửa chữa văn phòng, nhà làm việc. Chi phí này được phân bổ trong thời gian không quá 3 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P. Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động làm việc tại Công ty mà không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2,967,123,778	2,434,809,165
Tiền gửi ngân hàng	106,528,286,343	112,075,188,542
Các khoản tương đương tiền	33,000,000,000	64,500,000,000
Cộng	<u>142,495,410,121</u>	<u>179,009,997,707</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng tại ngân hàng	27,000,000,000	27,000,000,000	37,000,000,000	37,000,000,000
Cộng	<u>27,000,000,000</u>	<u>27,000,000,000</u>	<u>37,000,000,000</u>	<u>37,000,000,000</u>

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**- Đầu tư vào công ty con**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị
Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam ⁽ⁱ⁾	51,50	37,392,586,378	51,50	37,392,586,378
Cộng		<u>37,392,586,378</u>		<u>37,392,586,378</u>

- (i) Khoản 9 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2009 Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam thông qua việc thành lập Công ty cổ phần để thực hiện Dự án xây dựng Trung tâm điều hành SXKD tại số 1 Bến Vân Đồn, Quận 4, TP.HCM.

Vốn điều lệ VOSALAND là 100 tỷ, trong đó Công ty góp 51,5% bao gồm giá trị quyền sử dụng đất số 01 Bến Vân Đồn, Quận 4, TP.HCM và 5.000.000.000 đồng tiền mặt. Giá trị khoản đầu tư vào công ty con được trình bày theo giá gốc.

Ngày 12/09/2016, căn cứ Nghị quyết số 13/2016/NQ/HĐQT-NK3-THYK, Hội đồng quản trị Công ty nhất trí thông qua việc bán đấu giá toàn bộ số cổ phần nắm giữ tại Công ty cổ phần Bất động sản Đại lý hàng hải Việt Nam.

- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	40%	3,175,492,779	40%	3,175,492,779
Cộng		<u>3,175,492,779</u>		<u>6,334,032,779</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**- Đầu tư vào đơn vị khác**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Số CP	Giá trị	Số CP	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu dài hạn		9,420,160,000		9,420,160,000
- Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam ¹	913.390	7,400,160,000	913.390	7,400,160,000
- Tổng Công ty cổ phần Thép Việt Nam – CTCP ²	200.000	2,020,000,000	200.000	2,020,000,000
Đầu tư vào đơn vị khác		2,174,172,006		2,169,629,363
- Công ty TNHH Yusen Logistics & Vận tải Việt Nam – USD 51.000 (51%) ³		1,072,836,000		1,072,836,000
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam USD 4.000 (1%) ⁴		63,746,040		63,746,040
- Công ty cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam ⁵	50.000	500,000,000	50.000	500,000,000
- Công ty liên doanh Bông Sen ⁶		537,589,966		533,047,323
Cộng		11,594,332,006		11,589,789,363

(1) Công ty CP Đại lý hàng hải Việt Nam (VOSA) tiền thân là Đại lý hàng hải Việt Nam là cổ đông sáng lập Ngân hàng hàng hải Việt Nam vào năm 1991. Số cổ phiếu VOSA sở hữu là tích lũy qua nhiều năm do quá trình góp vốn, tăng vốn bằng cổ phiếu, chi cổ tức bằng cổ phiếu.

(2) Tổng công ty cổ phần thép Việt Nam (VNSTEEL) là đối tác quan trọng của VOSA ở khu vực miền Bắc. VOSA đã thực hiện cung cấp dịch vụ đại lý vận tải cho VNSTEEL trong nhiều năm. Khi VNSTEEL thực hiện bán cổ phiếu ra công chúng lần đầu (IPO), VOSA đã thực hiện đầu giá mua 200.000 cổ phiếu của VNSTEEL.

(3) Ngày 01/04/2014, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam và Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd thành lập Công ty TNHH Yusen Logistics và vận tải Việt Nam với vốn điều lệ 100.000USD, tỷ lệ góp vốn của VOSA là 51%. Công ty hoạt động trong các lĩnh vực giao nhận và kho bãi, làm thủ tục hải quan, môi giới, vận tải đường bộ, v.v... Theo Hợp đồng liên doanh VOSA sẽ được nhận khoản phí quản lý cố định hàng năm và không tham gia quản lý, kiểm soát hoạt động hàng ngày của Công ty TNHH Yusen Logistics và vận tải Việt Nam. Đối với phần lợi nhuận của liên doanh vẫn được chia theo tỷ lệ góp vốn của hai bên.

(4) Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam) (trước đây là Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions Việt Nam). Ngày 26 tháng 3 năm 2014, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã chuyển nhượng 50% vốn cho đối tác nước ngoài là Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd. Từ ngày 01/04/2014, VOSA chỉ còn giữ 1% vốn góp và nhận lãi cố định hàng năm. Theo hợp đồng chuyển nhượng, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam sẽ tiếp tục được chia lợi nhuận đối với số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions (Việt Nam) lũy kế đến ngày 31 tháng 3 năm 2014 theo tỷ lệ vốn góp trước thời điểm chuyển nhượng (Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam: 51%, Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd.: 49%) theo thông báo chia lợi nhuận của Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam) phân kỳ 7 năm (2014-2020), mỗi kỳ VOSA được nhận số tiền 15,5 tỷ đồng.

(5) VOSA là cổ đông thành lập Công ty CP VINALINES LOGISTICS năm 2007 và đã niêm yết trên sàn UPCOM với mã chứng khoán VLG. Hàng năm cổ tức thu được trung bình 5-6%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

⁽⁶⁾Được thành lập năm 1991, Công Ty Liên Doanh Bông Sen (**Cảng LOTUS**) là đơn vị liên doanh đầu tiên tại Việt Nam trong lĩnh vực khai thác cảng biển Quốc tế giữa Công ty VIETRANS, VOSA và đối tác nước ngoài BLASCO – Ukraine. Tại Công ty này, VOSA có vốn góp ban đầu là 23,705USD với tỷ lệ vốn góp 0,27%. Hàng năm, liên doanh đều chia lãi liên doanh và giữ lại một phần lợi nhuận để tái đầu tư. Số tiền lãi VOSA thực nhận không đáng kể do tỷ lệ góp vốn thấp.

- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam	2,735,423,050	2,359,862,730
- Công ty TNHH China Shipping Việt Nam ⁽¹⁾	2,589,595,445	
Cộng	5,325,018,495	2,359,862,730

⁽¹⁾ Ngày 4/7/2016, căn cứ Nghị quyết số 09/2016/NQ/HĐQT-NK3-THYK, Hội đồng quản trị Công ty thông qua việc chấm dứt hợp đồng liên doanh giữa Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam và China Shipping Regional Holdings Pte Ltd., và giải thể Công ty TNHH China Shipping Việt Nam.

Hiện nay, Công ty TNHH China Shipping Việt Nam đang tiến hành các bước thủ tục để giải thể. Tổng lỗ lũy kế 9 tháng năm 2016 (chưa kiểm toán) là 11,3 tỷ đồng.

3. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Liên danh PENTA - RINKAI	8,256,695,345	
Công ty TNHH Naigai Nitto Logistics Việt Nam	14,026,588,843	13,186,417,987
Công ty TNHH MAERSK VIỆT NAM	2,784,338,398	1,370,401,719
Cty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	12,130,351,712	18,946,868,061
Công ty TNHH Sản xuất bột mỳ Vimaflour	4,619,093,981	1,657,412,954
NIPPON YUSEN KABUSHIKI KAISHA	19,664,850,016	12,434,671,613
Phải thu khách hàng khác	71,528,129,269	67,848,450,828
Cộng	133,010,047,564	115,444,223,162

4. Phải thu khác

a) Ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	77,412,222	2,182,328,888
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	8,934,416,969
BHXX, BHYT, BHTN	21,868,946	91,411,126
Chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ, ... cho các hãng tàu	13,148,913,483	9,471,635,953
Tạm ứng	17,571,594,304	7,006,823,514
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	1,111,345,000	2,116,345,000
Khoản phải thu khác	5,604,733,925	6,091,813,110
Cộng	37,535,867,880	35,894,774,560

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Dài hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Cầm cổ, thế chấp, ký quỹ, ký cược	8,400,338,470	7,954,789,470
Khoản phải thu khác		
Cộng	8,400,338,470	7,954,789,470

5. Nợ xấu

Nợ xấu	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Nợ phải thu khó đòi	Số đơn vị đã trích lập dự phòng	Nợ phải thu khó đòi	Số đơn vị đã trích lập dự phòng
- Phải thu khách hàng	2,792,743,208	2,590,428,144	3,648,744,225	3,464,721,927
- Phải thu ngắn hạn khác	5,575,895,635	5,575,895,635	5,575,895,635	5,575,895,635
Cộng	8,368,638,843	8,166,323,779	9,224,639,860	9,040,617,562

6. Hàng tồn kho

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Văn phòng phẩm	3,510,000		175,500	
Cộng	3,510,000		175,500	

7. Tài sản dở dang dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	Số cuối quý
Dự án nhà văn phòng Vitamas	305,518,229	492,458,560			797,976,789
Dự án nhà văn phòng Nha Trang		16,644,636			16,644,636
Mua nhà và đất số 25 Điện Biên Phủ- Hải Phòng ^(*)		64,290,754,000			64,290,754,000
Cộng	305,518,229	64,799,857,196			65,105,375,425

^(*) Thực hiện Nghị quyết số 11/2016/NQ/HĐQT-NK3-THYK ngày 10/08/2016 của Hội đồng quản trị về việc mua nhà và đất tại số 25 Điện Biên Phủ, Quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng với thời gian sử dụng đất 50 năm, diện tích đất là 2.668,3m². Hiện nay, Công ty đang tiến hành các bước thủ tục cấp Giấy chứng nhận sử dụng.

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định Hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Ngày 1/1/2016	86,881,306,160	38,015,819	42,543,876,758	5,055,676,496	134,518,875,233
- Mua trong năm	-	-	1,843,818,182	-	1,843,818,182
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	31,455,000	31,455,000
- Giảm khác	8,793,713	-	-	-	8,793,713

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P. Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngày 30/09/2016	86,872,512,447	38,015,819	44,387,694,940	5,024,221,496	136,322,444,702
Hao mòn lũy kế					
Ngày 1/1/2016	40,322,364,304	38,015,819	29,517,785,073	4,193,941,631	74,072,106,827
- Khấu hao trong năm	2,840,679,231	-	2,477,333,744	280,993,636	5,599,006,611
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	31,455,000	31,455,000
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Ngày 30/09/2016	43,163,043,535	38,015,819	31,995,118,817	4,443,480,267	79,639,658,438
Giá trị còn lại					
Ngày 1/1/2016	46,558,941,856	-	13,026,091,685	861,734,865	60,446,768,406
Ngày 30/09/2016	43,709,468,912	-	12,392,576,123	580,741,229	56,682,786,264

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định Vô hình		Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá				
Ngày 1/1/2016		20,346,655,528	1,984,579,300	22,331,234,828
Ngày 30/09/2016		20,346,655,528	1,984,579,300	22,331,234,828
Hao mòn lũy kế				
Ngày 1/1/2016		913,305,563	1,705,447,408	2,618,752,971
- Khấu hao trong năm		168,914,268	139,565,943	308,480,211
Ngày 30/09/2016		1,082,219,831	1,845,013,351	2,927,233,182
Giá trị còn lại				
Ngày 1/1/2016		19,433,349,965	279,131,892	19,712,481,857
Ngày 30/09/2016		19,264,435,697	139,565,949	19,404,001,646

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Tăng, giảm Bất động sản đầu tư		Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Ngày 1/1/2016		74,584,104,356	74,584,104,356
Ngày 30/09/2016		74,584,104,356	74,584,104,356
Hao mòn lũy kế			
Ngày 1/1/2016		24,783,032,575	24,783,032,575
- Khấu hao trong năm		3,138,292,710	3,138,292,710
Ngày 30/09/2016		27,921,325,285	27,921,325,285
Giá trị còn lại			
Ngày 1/1/2016		49,801,071,781	49,801,071,781
Ngày 30/09/2016		46,662,779,071	46,662,779,071

11. Chi phí trả trước**a) Ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	102,172,753	50,069,142
Chi phí bảo hiểm	46,783,769	47,884,104
Chi phí văn phòng, thuê kho	1,120,139,273	302,727,271
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	161,019,392	230,189,031

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	1,430,115,187	630,869,548
b) Dài hạn		
	Số cuối quý	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	192,741,748	554,098,208
Tiền thuê đất trả trước	1,577,485,890	1,651,357,818
Chi phí trả trước dài hạn khác	736,460,520	171,693,946
Cộng	2,506,688,158	2,377,149,972

12. Vay và nợ thuê tài chính**a) Vay ngắn hạn**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối quý
Vay người lao động ^(*)		2,333,081,633	1,555,387,758	777,693,875
Cộng		2,333,081,633	1,555,387,758	777,693,875

^(*) Khoản vay người lao động công ty tại chi nhánh Northfreight theo Quyết định số 32/QĐ-NF ngày 31/03/2016 nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh tại đơn vị. Khoản vay này có thời hạn 9 tháng, đáo hạn ngày 31/12/2016 và không chịu lãi.

b) Vay dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Vay dài hạn (Vosa Quảng Ninh) ⁽ⁱ⁾		7,000,000,000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác ⁽ⁱⁱ⁾	6,747,840,000	6,739,920,000
- Công ty TNHH Luen Wah Trading (Hong Kong)	6,747,840,000	6,739,920,000
Cộng	6,747,840,000	13,739,920,000

- (i) Khoản vay tín chấp của cán bộ công nhân viên Đại lý Hàng hải Quảng Ninh (Vosa Quảng Ninh) theo hợp đồng vay số 02/ĐLHH-ĐQH ngày 01/04/2014 nhằm mục đích ký quỹ vào Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh để xin cấp giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa. Khoản vay này có thời hạn 5 năm, đáo hạn ngày 01/04/2019 và không chịu lãi. Tháng 8/2016, Công ty đã thanh lý Hợp đồng vay này.
- (ii) Khoản vay dài hạn 1.980.000 CNY tương đương 6,747,840,000 VND từ Luen Wah Trading Co.,Ltd (Hong Kong) theo hợp đồng số 01/LC-HK ngày 10/04/1998. Khoản vay này có thời hạn 25 năm và không chịu lãi.

13. Phải trả người bán

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công Ty TNHH Thương Mại Và Vận Tải Tiến Bộ	6,614,286,700	5,585,383,000
Công ty CP TM Vận tải & XNK An Bình	3,006,761,411	4,186,631,230
Công ty CP Cảng Quảng Ninh	2,916,966,025	4,321,481,182
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Cái Lân	4,361,011,668	3,548,009,711
Công ty xăng dầu Đồng Nai	3,524,524,945	
Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài	4,744,696,102	13,429,265,853

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phải trả người bán khác	62,448,974,106	52,942,747,926
Cộng	87,617,220,957	84,013,518,902

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối quý</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	569,631,284	8,606,778,910	7,930,745,450	1,245,664,744
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,406,294,962	8,341,510,115	6,100,552,350	3,647,252,727
Thuế thu nhập cá nhân	658,356,661	4,499,455,672	4,829,000,532	328,811,801
Tiền thuế đất	438,239,000	2,994,463,191	2,758,861,037	673,841,154
Các loại thuế khác	11,322,842,768	24,299,572,511	30,324,796,969	5,297,618,310
Cộng	14,395,364,675	48,741,780,399	51,943,956,338	11,193,188,736

Trong đó các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước bao gồm:

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT	7,610,356,328	8,518,282,718
Thuế thu nhập cá nhân	43,981,825	202,269,149
Thuế khác	4,887,710	
Cộng	7,659,225,863	8,720,551,867

15. Chi phí phải trả**a) Ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí vận tải thuê ngoài	9,443,439,339	5,970,294,939
Chi phí khác	334,793,420	1,083,706,324
Cộng	9,778,232,759	7,054,001,263

b) Dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí khác	500,000,000	500,000,000
Cộng	500,000,000	500,000,000

16. Phải trả khác**a) Ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	82,881,420	33,500,888
Kinh phí công đoàn	1,236,694,123	1,176,114,256
Cổ tức phải trả	205,724,825	8,360,724,825
Nhận ký quỹ ngắn hạn	4,905,037,180	4,684,071,720
Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu	65,930,127,595	56,531,959,324
Tiền tài khoản ký ngân của các hãng tàu	16,850,288,007	12,244,568,320
Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam	3,737,387,440	3,737,387,440

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả khác	246,855,617	404,517,808
Cộng	93,194,996,207	87,172,844,581

b) Dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ dài hạn	723,770,150	707,770,150
Phải trả khác		
Cộng	723,770,150	707,770,150

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Doanh thu đại lý vận tải	24,970,297,327	-
- Doanh thu khác	-	200,000,000
Cộng	24,970,297,327	200,000,000

18. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
Số dư đầu năm trước	116,500,000,000	56,397,655,039	12,311,461,686	69,715,928,478	254,925,045,203
Lợi nhuận trong năm				56,998,137,947	56,998,137,947
Trích lập các quỹ		17,863,553,952	1,531,161,767	(25,372,460,834)	(5,977,745,115)
Chia cổ tức				(19,805,000,000)	(19,805,000,000)
Chi quỹ			(1,108,206,000)		(1,108,206,000)
Số dư cuối năm trước	116,500,000,000	74,261,208,991	12,734,417,453	81,536,605,591	285,032,232,035
Số dư đầu năm nay	116,500,000,000	74,261,208,991	12,734,417,453	81,536,605,591	285,032,232,035
Lợi nhuận trong năm				37,887,460,812	37,887,460,812
Trích lập các quỹ		17,008,673,771	1,457,886,323	(23,971,764,377)	(5,505,204,283)
Chia cổ tức				(23,300,000,000)	(23,300,000,000)
Chi quỹ			(1,059,600,000)		(1,059,600,000)
Số dư cuối năm nay	116,500,000,000	91,269,882,762	13,132,703,776	72,152,302,026	293,054,888,564

* Số dư Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm : Quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ: 11.650.000.000đ và Quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh: 1.482.703.776đ.

b) Cổ phiếu

	<u>Số cuối quý</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số cổ phiếu</u>	<u>VND</u>	<u>Số cổ phiếu</u>	<u>VND</u>
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	11,650,000	116,500,000,000	11,650,000	116,500,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Số cổ phiếu đang lưu hành**

Cổ phiếu phổ thông	11,650,000	116,500,000,000	11,650,000	116,500,000,000
--------------------	------------	-----------------	------------	-----------------

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

19. Chỉ tiêu ngoại bảng

Ngoại tệ các loại	Số cuối quý	Số đầu năm
- USD	2,686,706	2,823,881
Cộng	2,686,706	2,823,881

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	580,658,119,923	617,110,633,335
- Doanh thu đại lý tàu rời	39,198,273,062	32,044,521,580
- Doanh thu đại lý vận tải	348,329,727,498	357,326,901,704
- Doanh thu đại lý liner	15,193,720,087	20,053,490,120
- Doanh thu kiểm kiện	14,377,093,330	15,408,884,186
- Doanh thu kho ngoại quan	69,279,084,056	82,894,525,432
- Doanh thu tạm nhập tái xuất	14,726,968,107	18,409,627,432
- Doanh thu cung cấp dịch vụ tàu	24,175,069,616	28,862,516,446
- Doanh thu cho thuê phương tiện	37,710,594,108	48,681,262,027
- Doanh thu cho thuê kho, khách sạn	11,116,838,175	7,310,076,756
- Doanh thu dịch vụ khác	6,550,751,884	6,118,827,652
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Doanh thu thuần	580,658,119,923	617,110,633,335

Chi tiết doanh thu theo phân loại của Tổng công ty hàng hải Việt Nam

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	580,658,119,923	617,110,633,335
- DT vận tải và hỗ trợ vận tải	348,329,727,498	357,326,901,704
- DT cảng biển và hỗ trợ cảng biển	130,654,750,203	145,050,674,359
- Kinh doanh xăng dầu		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Sửa chữa tàu biển		
- Cho thuê văn phòng	11,116,838,175	7,310,076,756
- Doanh thu khác	90,556,804,047	107,422,980,516

Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	580,658,119,923	617,110,633,335

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	50,064,714,281	57,491,873,962
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7,131,858,425	7,496,852,522
Chi phí dịch vụ mua ngoài	432,374,205,179	455,284,509,503
Chi phí khác	22,406,734,486	32,958,904,645
Cộng	511,977,512,371	553,232,140,632

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	3,641,766,499	2,806,915,594
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4,831,308,038	14,318,503,893
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2,470,693,214	5,434,001,757
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1,186,225,885
Lãi chuyển nhượng vốn	-	12,922,448,283
Cộng	10,943,767,751	36,668,095,412

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	850,461,682	3,008,018,257
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	74,338,649	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	2,965,155,765	-
Chi phí tài chính khác	-	78,244,385
Cộng	3,889,956,096	3,086,262,642

5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	25,500,000	197,836,576
Các khoản nợ không xác định được chủ	607,780,157	7,355,719,685
Các khoản thu nhập khác	22,030,121,320	98,066,182
Cộng	22,663,401,477	7,651,622,443

6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	232,054,498	67,901,476
Các khoản chi phí khác	1,277,161	38,006,482
Cộng	233,331,659	105,907,958

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	26,274,035,518	26,786,659,536
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,913,921,107	2,235,011,231
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23,072,868,374	23,159,319,444
Chi phí khác	674,693,099	(10,990,880,796)
Cộng	51,935,518,098	41,190,109,415

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	76,338,749,799	84,278,533,498
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9,045,779,532	9,731,863,753
Chi phí dịch vụ mua ngoài	455,447,073,553	478,443,828,947
Chi phí khác	23,081,427,585	21,968,023,849
Cộng	563,913,030,469	594,422,250,047

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46,228,970,927	63,815,930,543
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	393,651,031	7,043,015,027
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Tổng thu nhập chịu thuế	46,622,621,958	70,858,945,570
Thu nhập được miễn thuế	4,915,071,385	15,504,729,778
Thu nhập tính thuế	41,707,550,573	55,354,215,792
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	8,341,510,115	12,177,927,474
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8,341,510,115	12,177,927,474

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam		
Chia cổ tức	16,059,060,000	5,947,800,000
Chi phí thuê văn phòng phải trả	691,200,000	691,200,000
Tiền điện phải trả	8,896,815	10,019,685

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam		
Cho thuê văn phòng tại số 3-5-7 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	42,075,000	75,735,000
Góp vốn điều lệ bằng tiền		1,940,000,000
Góp vốn điều lệ bằng quyền sử dụng đất ở số 1, Bến Vân Đồn, Quận 4, TP.HCM		32,392,586,378.00
Nhận tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ đất ở số 1, Bến Vân Đồn, Quận 4, TP.HCM		39,180,959,052
Nhận tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ đất ở số 1, Bến Vân Đồn, Quận 4		767,481,206
Nhận tiền thuê đất 2010, 2011 ...		827,891,121.00
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam		
Cổ tức được chia	3,925,765,895	4,484,836,842

2. Công nợ nội bộ với các đơn vị thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam như sau:**Công nợ phải thu**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty cổ phần Vinalines Nha Trang		
Phải thu các khoản thu chi hộ	125,410,683	125,410,683
Công ty TNHH MTV vận tải viễn dương Vinashin		
Phí cung cấp dịch vụ	355,340,831	355,340,831
Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam		
Phí cung cấp dịch vụ	2,984,499	
	483,736,013	480,751,514

Công nợ phải trả

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam		
Cổ tức phải trả		4,163,460,000
Chi phí dịch vụ	3,460,611	1,093,191
Công ty cổ phần cảng Đà Nẵng		
Tiền cảng phí phải trả	190,364,601	28,374,957
Công ty TNHH MTV Cảng Sài Gòn		
Tiền cảng phí phải trả	178,391,942	
Công ty cổ phần cảng Hải Phòng		
Tiền cảng phí phải trả	853,934,827	2,534,448,075
Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh		
Tiền cảng phí phải trả	46,636,799	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty CP Cảng Cần Thơ
Tiền cảng phí phải trả

Số cuối quý

Số đầu năm

2,671,800

1,275,460,580

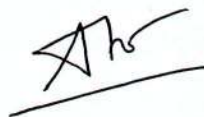
6,727,376,223

Người lập biểu

PT. Ban TCKT

Lập, ngày 30 tháng 09 năm 2016

P. Tổng giám đốc



NGUYỄN LƯƠNG HUY

VÕ TRUNG THẮNG

NGUYỄN THỊ THANH TRANG